



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG 5

TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG

KẾ TOÁN

MỤC TIÊU



Chương này giúp người học:

- ✓ Trình bày sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán; xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá và những loại giá được sử dụng trong kế toán.
- ✓ Giải thích các nguyên tắc căn bản và các yêu cầu trong tính giá, từ đó nắm được nguyên tắc và kỹ thuật tính giá một số đối tượng kế toán.
- ✓ Thực hành tính giá một số đối tượng kế toán.

TÀI LIỆU HỌC TẬP



TÀI LIỆU CHÍNH:

PGS. TS Nguyễn Thị Loan (chủ biên, 2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (26 chuẩn mực)
- TT 200/2014/BTC; TT 53/2015/TT-BTC; TT 45/2013/TT-BTC, TT 48/2019/BTC...
- Website của Bộ tài chính : www.mof.gov.vn
- Website của Tổng cục thuế : www.gdt.gov.vn
- ...

NỘI DUNG CHƯƠNG 5



5.1

- Những vấn đề chung về tính giá các đối tượng kế toán

5.2

- Các loại giá chủ yếu sử dụng trong kế toán

5.3

- Tính giá một số đối tượng kế toán



Tại sao cần tính giá đối tượng kế toán?

Một số loại tài sản tại đơn vị sx hàng may mặc:

- Xe ô tô: 04 chiếc
- Nhà xưởng: 02 xưởng
- Máy may: 50 máy
- Vải: 10.000 m
- Tiền mặt: 500 triệu đồng và 100,000 USD...

**Làm thế nào để tập hợp toàn bộ giá trị tài sản
của đơn vị?**

Tại sao cần tính giá đối tượng kế toán?



- ⌚ Xuất phát từ nhu cầu CẦN những *thông tin tổng hợp* để phục vụ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ *hiệu quả hoạt động kinh tế - tài chính* của đơn vị.
- ⌚ Mỗi loại thước đo hiện vật, thời gian lao động và giá trị có những ưu, nhược điểm riêng.
- ⌚ Để đáp ứng nhu cầu tổng hợp và cung cấp thông tin cần sử dụng thước đo giá trị.

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

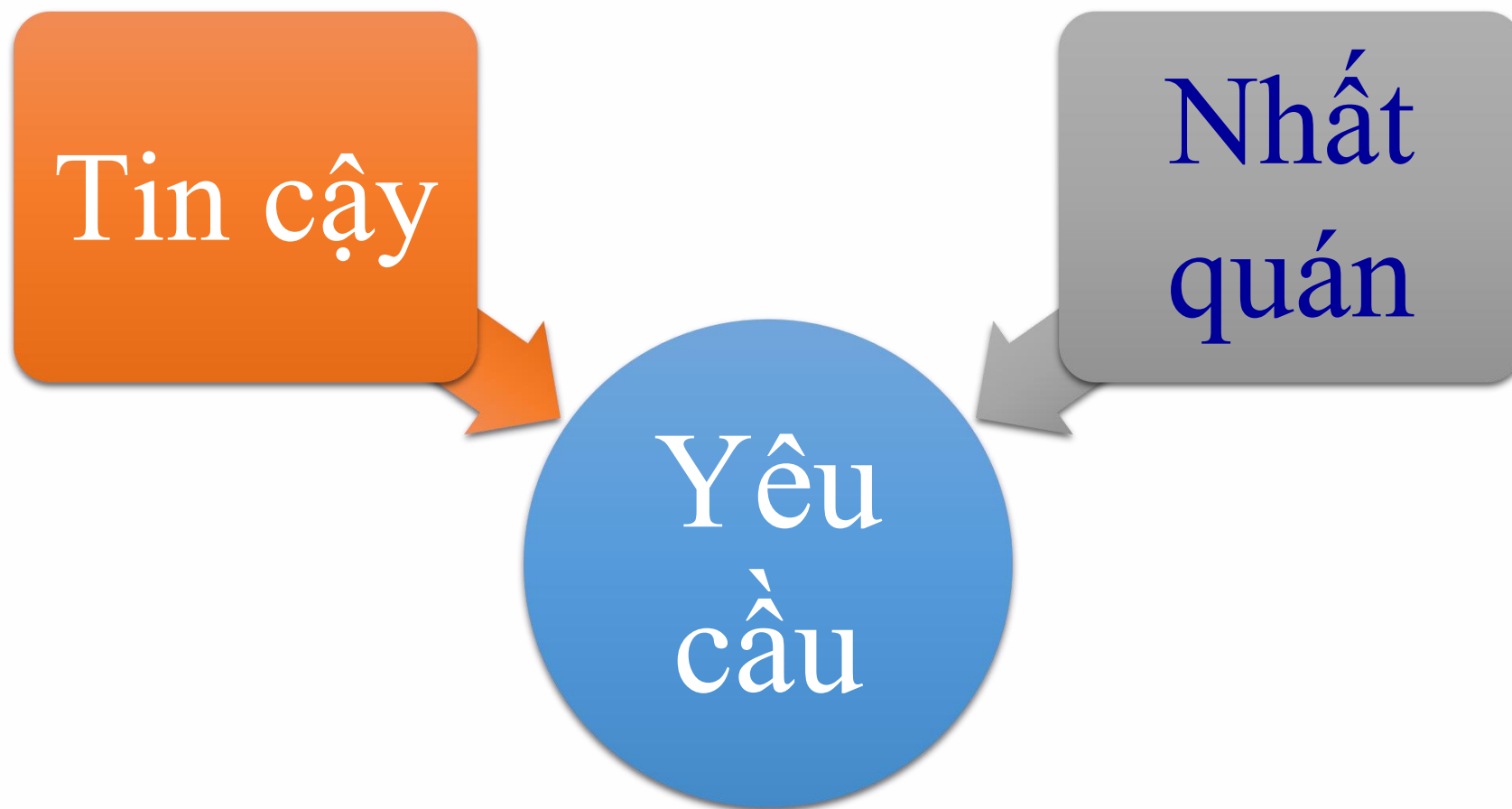
5.1.1. Khái niệm:

Phương pháp tính giá là phương pháp kế toán sử dụng thước đo tiền tệ để xác định giá trị của các đối tượng kế toán theo những nguyên tắc nhất định nhằm phục vụ quá trình thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính ở đơn vị.

5.1.2. Ý nghĩa:

- ✓ Nhờ có phương pháp tính giá mà kế toán mới thực hiện được bước tiếp theo của qui trình kế toán là ghi sổ, tổng hợp số liệu, trình bày thông tin trên báo cáo Tài chính.
- ✓ Kết quả của phương pháp tính giá ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

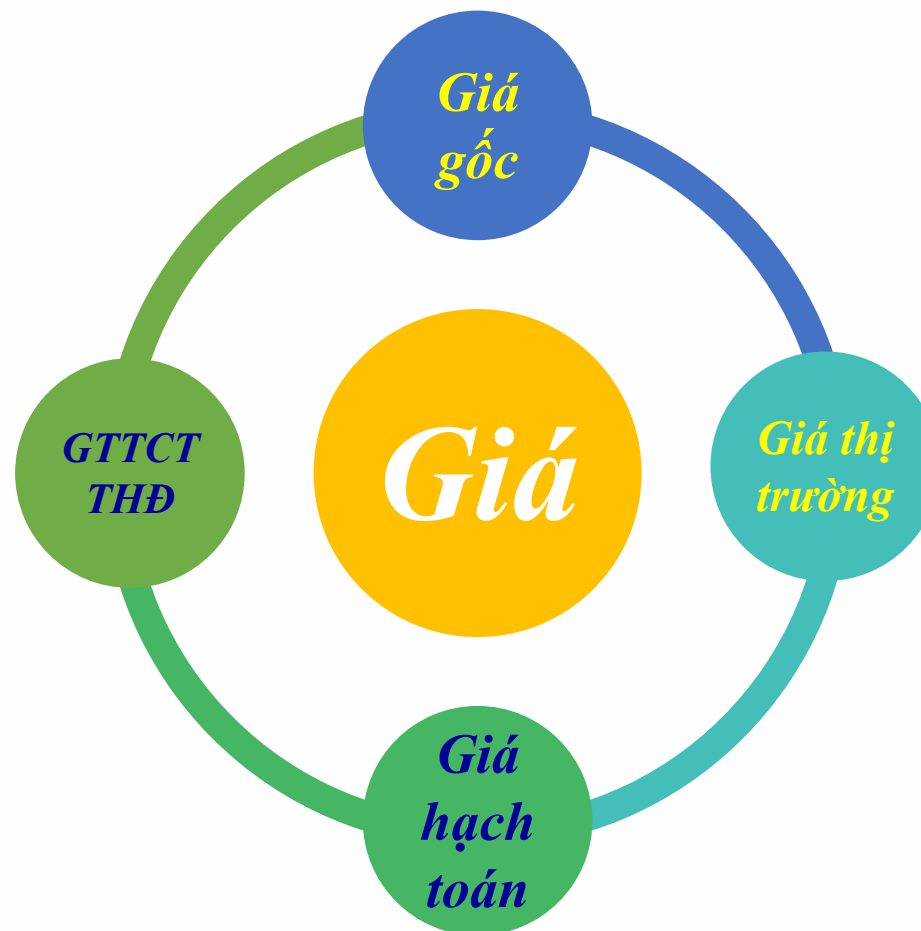
5.1.3. Những yêu cầu cơ bản của PP tính giá



5.2. CÁC LOẠI GIÁ CHỦ YẾU SỬ DỤNG TRONG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ



GTTCTTHĐ: Giá trị thuần có thể thực hiện được



GIÁ GỐC



Khái niệm (VSA 01)

- ☐ Là giá được tính theo hoặc
- ☐ Hoặc tính theo của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận.

Đặc điểm:

- ☐ Được ghi nhận tại thời điểm tài sản tham gia vào khối tài sản chung của đơn vị và ở trạng thái
- ☐ Không thay đổi ngay cả khi giá của tài sản trên thị trường của tài sản thay đổi, trừ khi có quy định khác trong CMKT.

GIÁ HẠCH TOÁN



Khái niệm

- ☐ Là giá **do đơn vị xây dựng** áp dụng khi việc xác định giá gốc khó thực hiện hoặc không thể thực hiện được.
- ☐ Sử dụng cho từng đối tượng kế toán **cụ thể**
- ☐ Chỉ sử dụng trong **nội bộ** đơn vị.

Mục đích

- ☐ Giúp đơn giản bớt công việc tính toán.
- ☐ Đảm bảo việc ghi sổ kế toán kịp thời.

Đặc điểm

- ☐ Có tính chất ổn định tương đối
- ☐ Sử dụng tạm thời → Cuối kỳ kế toán, phải điều chỉnh giá hạch toán đã ghi sổ hàng ngày trở lại giá gốc

Cách lựa chọn

- ☐ Thường sử dụng **giá kế hoạch** hoặc **giá cuối kỳ trước** làm giá hạch toán cho kỳ này.

5.3. TÍNH GIÁ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN CHỦ YẾU



5.3.1 Tính giá Tài sản cố định

5.3.2 Tính giá hàng tồn kho

5.3.3 Tính giá chứng khoán

5.3.4 Tính giá ngoại tệ, vàng bạc, đá quý





5.3.1 Tính giá tài sản cố định

✓ Tính giá TSCĐ hữu hình: *(Theo VAS 03)*

- TSCĐ HH được tính theo giá gốc → Giá gốc của TSCĐ HH được gọi là
- của TSCĐ HH: Là mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ HH tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.3.1 Tính giá tài sản cố định



✓ *TSCĐ HH do mua sắm*

Nguyên giá = + **Các khoản thuế không được hoàn lại** + **Chi phí trước sử dụng**

Ví dụ 1: Ngày 15/9/N đơn vị mua 1 ô tô, các chi phí phát sinh như sau:

- Giá mua: 550 triệu (đã bao gồm thuế GTGT), thanh toán bằng TGNH.
- Chi phí phát sinh liên quan: 13,2 triệu (đã bao gồm thuế GTGT) thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Xác định nguyên giá của ô tô và định khoản NVKTPS?

Biết rằng đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ là 10%.

Bài giải ví dụ 1:



5.3.1 Tính giá tài sản cố định



✓ Tính giá TSCĐ vô hình

- TSCĐ VH được xác định giá trị ban đầu theo Nguyên giá
- Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ chi phí mà đơn vị phải chi ra để có được TSCĐ vô hình đến thời điểm tài sản đó được đưa vào sử dụng.

5.3.2 Tính giá hàng tồn kho



- Tính giá NVL, CCDC, hàng hóa nhập kho

✓ Trường hợp đơn vị mua ngoài

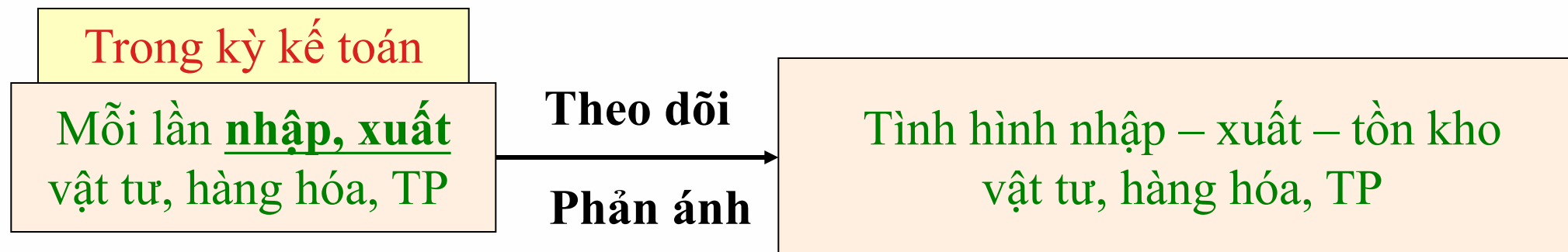
Giá thực tế Nhập kho	=	Giá mua	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	+	Chi phí khác	-	Chiết khấu TM, giảm giá hàng mua, giá trị hàng mua trả lại
-------------------------	---	------------	---	---	---	-----------------	---	---

✓ Các trường hợp khác

5.3.2 Tính giá hàng tồn kho

- Tính giá NVL, CCDC, hàng hóa, thành phẩm xuất kho

■ Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)



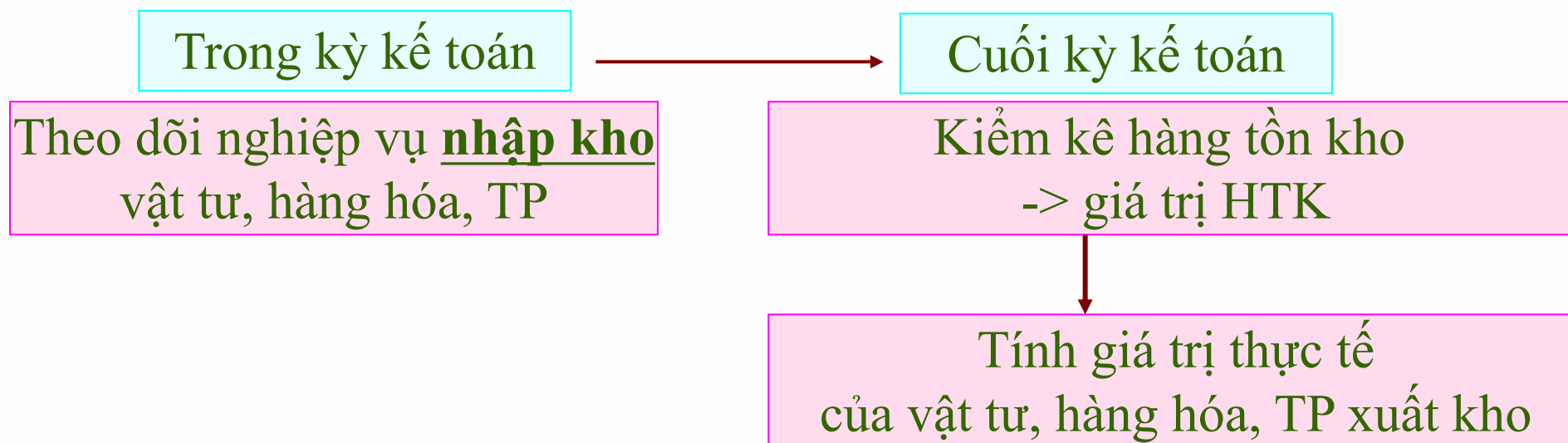
$$\text{Tồn cuối kỳ} = \text{Tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ}$$

5.3.2 Tính giá hàng tồn kho



- Tính giá NVL, CCDC, hàng hóa, thành phẩm xuất kho

■ Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

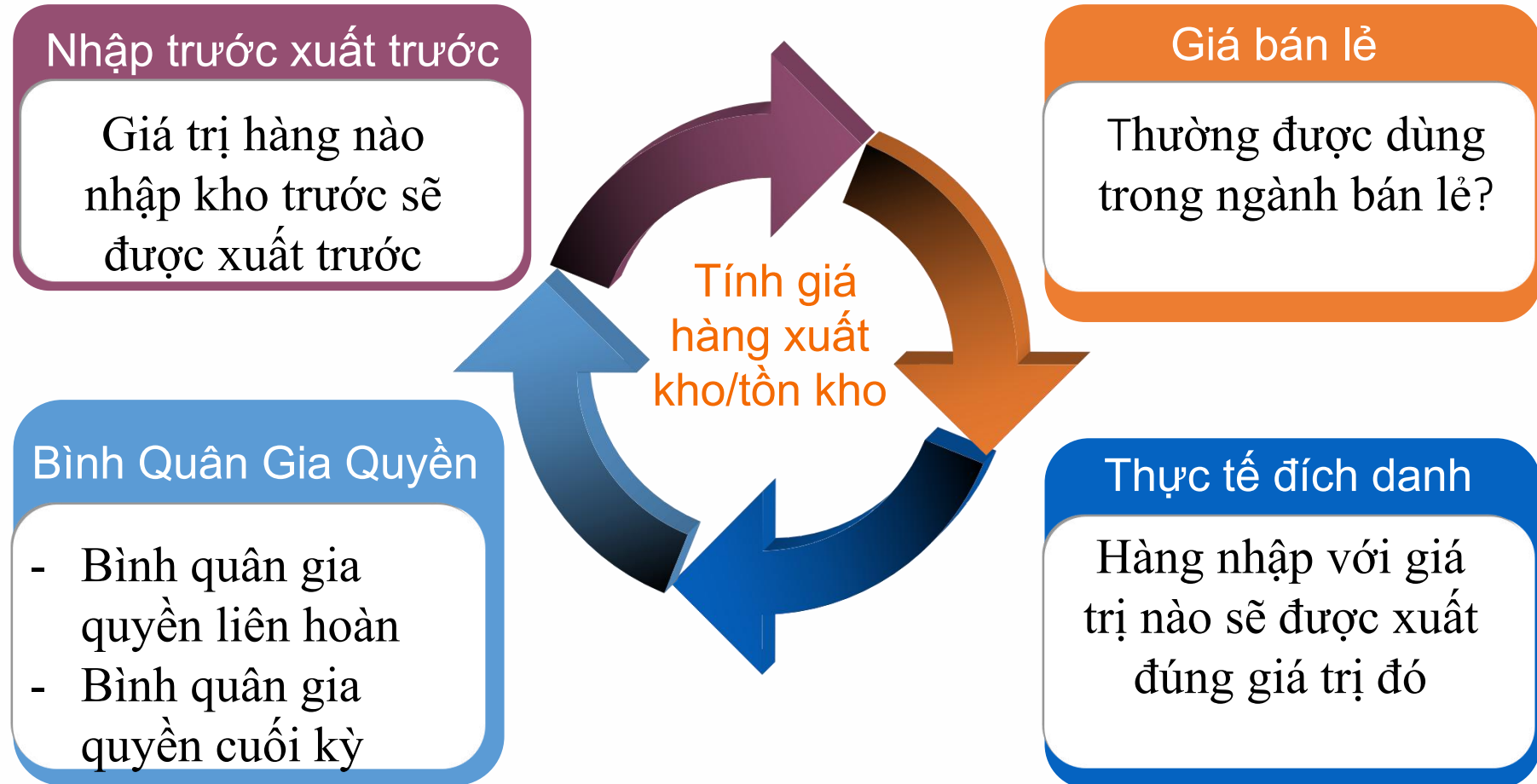


$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

5.3.2 Tính giá hàng tồn kho



Các phương pháp tính giá xuất kho



- **Phương pháp bình quân**



$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bq} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{(\text{Số lượng tồn đầu kỳ} \times \text{Đơn giá tồn đầu kỳ}) + (\text{Số} \\ \text{lượng nhập trong kỳ} \times \text{Đơn giá nhập trong kỳ})}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x đơn giá bình quân

Tồn cuối kỳ = Tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất trong kỳ



- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này giả định hàng nào nhập trước thì sẽ xuất trước, xuất hết hàng nhập trước mới đến xuất đến hàng nhập sau, với đơn giá tương ứng từng lần nhập đó.

Giá thực tế xuất kho = Σ (Số lượng xuất kho x đơn giá tương ứng)

Tồn cuối kỳ = Tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất trong kỳ



- **Ví dụ 2**: VLC: * Tồn kho đầu tháng 2/N: 1.000kg
* Với giá thực tế: 15.000.000 đ.

Trong tháng 2/N, có các nghiệp vụ sau:

- Ngày 2/2: Xuất kho VLC để SXSP 300 kg.
- Ngày 5/2: mua 500 kg, giá mua 15.050 đ/kg. Chi phí vận chuyển 150.000.
- Ngày 10/2: xuất kho VLC để SXSP 1.000 kg.
- Ngày 20/2: mua 1.500kg, giá mua 14.500 đ/kg. Chi phí vận chuyển 225.000 đ.
- Ngày 25/2: xuất kho VLC để SXSP 1.100 kg.

Yêu cầu: Tính giá VLC xuất kho trong tháng 2/N theo PP FIFO, BQGQ.

Biết rằng đơn vị:

- Hạch toán hàng tồn kho phương pháp KKTX.
- Tính thuế GTGT theo PP trực tiếp

Bảng theo dõi chi tiết VLC trong tháng 2/N (FIFO)

Đvt: Đồng



Ngày	Số CT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Cộng							X	X

Bảng theo dõi chi tiết VLC trong tháng 2/N (BQGQ liên hoàn)

Đvt: Đồng



Ngày	Số CT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Cộng							X	X

Bảng theo dõi chi tiết VLC trong tháng 2/N (BQGQ cuối kỳ)

Đvt: Đồng



Ngày	Số CT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Cộng							X	X



5.3.3 Tính giá chứng khoán

- **Giá chứng khoán** = Giá vốn = Chi phí thực tế mua

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{mua} \end{array} = \text{Giá mua} + \begin{array}{l} \text{Chi phí đầu tư: chi phí môi} \\ \text{giới, tư vấn, phí khác} \end{array}$$

- ✓ Khi thu hồi CK, giá vốn được xác định theo **PP bình quân gia quyền liên hoàn**.
- ✓ Tại thời điểm lập BCTC, kế toán lập dự phòng giảm giá chứng khoán khi có bằng chứng về sự giảm giá chứng khoán → phản ánh giá trị thuần của chứng khoán.

Ví dụ 3: Chi tiền TGNH mua 900 cổ phiếu R với mục đích thương mại, giá mua mỗi cổ phiếu là 1,3 (mệnh giá mỗi cổ phiếu là 1,0). Chi phí môi giới là 0,4% trên tổng giao dịch. Đơn vị tính: 10.000đ



Ví dụ 4: Mua 500 cổ phiếu A với mục đích thương mại, giá mua mỗi cổ phiếu là 25.000đ (mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000đ). Chi phí môi giới là 0,4% trên tổng giao dịch. Tất cả giao dịch đều thanh toán qua chuyển khoản.

5.3.4 Tính giá ngoại tệ, vàng bạc, đá quý



Tính giá ngoại tệ

- ⊕ Các loại ngoại tệ phát sinh tăng: phải quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế.
- ⊕ Ngoại tệ phát sinh giảm: giá xuất phải quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái ghi sổ bình quân gia quyền di động. Tỷ giá này được xác định trên cơ sở lấy Tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền ngoại tệ chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- ⊕ Cuối năm tài chính, các loại tài sản có gốc ngoại tệ (Tiền ngoại tệ, nợ phải thu là ngoại tệ) phải được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do NHNN Việt Nam công bố vào thời điểm điều chỉnh.

5.3.4 Tính giá ngoại tệ, vàng bạc, đá quý



Tính giá vàng bạc, đá quý

- Ⓢ Giá nhập kho: $\text{Giá thực tế} = \text{Giá mua} + \text{Chi phí liên quan}$
- Ⓢ Giá xuất kho: áp dụng phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho.



CÁM ƠN CÁC BẠN
ĐÃ LẮNG NGHE